



UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 23. tháng 01 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH

**Nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách tín dụng
ưu đãi từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh
Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra)**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và tại khoản 1, khoản 3, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo.	- Hộ nghèo: theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ. - Hộ cận nghèo: theo Điều 1 Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. - Hộ mới thoát nghèo: theo Điều 2

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	2. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc các đối tượng sau: Người lao động là bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ và người lao động thuộc hộ có hoàn cảnh khó khăn. 3. Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa. 4. Cán bộ, công chức, viên chức, công nhân trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm. 5. Các đối tượng theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ Do một số xã đã sáp nhập lên phường không tiếp cận được nguồn vốn trung ương tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg, để đáp ứng nhu cầu thực tế nên bổ sung thêm đối tượng này để được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương. Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ) Theo Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và theo các quy định hiện hành

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 3. Nguyên tắc thực hiện 1. Trường hợp mức cho vay tối đa theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được điều chỉnh cao hơn mức cho vay tối đa của Nghị quyết này, áp dụng theo mức cho vay tối đa của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Mức lãi suất cho vay của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được điều chỉnh thấp hơn mức lãi suất cho vay của Nghị quyết này, áp dụng theo mức lãi suất cho vay của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. 2. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định giảm lãi suất cho vay do thiên tai, dịch bệnh hoặc nguyên nhân khác quan khác, lãi suất cho vay tại Nghị quyết này được giảm tương ứng theo Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. 3. Mức cho vay, thời hạn cho vay cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	đối tượng vay vốn. 4. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	
	Điều 4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay 1. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này a) Mức cho vay: tối đa là 100 triệu đồng/hộ. b) Thời hạn cho vay: tối đa là 10 năm (120 tháng). c) Lãi suất cho vay: hộ nghèo bằng 4,8%/năm; hộ cận nghèo bằng 5,76%/năm; hộ mới thoát nghèo bằng 6,0%/năm. 2. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này. a) Mức cho vay: tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài nhưng không vượt quá 200 triệu đồng/lao động. b) Thời hạn cho vay: Căn cứ vào thời hạn đi làm việc	- Mức cho vay: áp dụng theo Điều 1 Quyết định số 12/2019/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2019 của Thống đốc NHNN. - Thời hạn cho vay: áp dụng Điều 2 Quyết định số 12/2019/QĐ-HĐQT ngày 22/02/ 2019 của Thống đốc NHNN. - Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất đặc thù của địa phương. - Mức cho vay: áp dụng theo Điều 12 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ. - Thời hạn cho vay: áp dụng Điều 14 Nghị định số 338/2025/NĐ -CP

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	ở nước ngoài theo hợp đồng lao động và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động được ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. c) Lãi suất cho vay: bằng 6,24%/năm. 3. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này a) Mức cho vay: tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng. b) Thời hạn cho vay: tối đa là 05 năm (60 tháng). c) Lãi suất cho vay: bằng 7,5%/năm. 4. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này: a) Mức cho vay: tối đa là 200 triệu đồng/khách hàng. b) Thời hạn cho vay: tối đa là 10 năm (120 tháng).	ngày 25/12/2025 của Chính phủ. - Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất đặc thù của địa phương. - Mức cho vay: áp dụng theo Điều 6 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ. - Thời hạn cho vay: áp dụng theo Điều 8 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/ 2024 của Thủ tướng Chính phủ. - Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất đặc thù của địa phương. - Mức cho vay: áp dụng theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ. - Thời hạn cho vay: áp dụng theo Điều 6 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP) ngày 25/12/2025 của Chính phủ.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	c) Lãi suất cho vay: bằng 7,9248%/năm. 5. Đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.	- Lãi suất cho vay: áp dụng theo Điều 7 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.
	Điều 5. Xử lý nợ bị rủi ro Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.	Theo mục 5 Thông tư số 84/20025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ Tài chính)
	Điều 6. Nguồn vốn cho vay Vốn đầu tư công bố trí ủy thác sang chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau để cho vay theo nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng chính sách và khả năng cân đối vốn của tỉnh	
	Điều 7. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng 01 năm 2026.	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (cũ) về chính sách hỗ trợ, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau và đối tượng xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	
	Điều 8. Quy định chuyển tiếp Các đối tượng đã vay theo các chương trình trước đây tiếp tục áp dụng chính sách tín dụng theo thỏa thuận, hợp đồng vay vốn đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; trường hợp đã nộp hồ sơ vay vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có Quyết định phê duyệt hồ sơ vay vốn thì thực hiện theo quy định Nghị quyết này.	
	Điều 9. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	